

**BẢO HIỂM TIỀN GỬI
VIỆT NAM**

Số: *1248*/QĐ-BHTG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà nội, ngày *31* tháng *12* năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thông tin báo cáo về tiền gửi được bảo hiểm ban hành kèm theo Quyết định số 2252/QĐ-BHTG ngày 15/12/2017 của Hội đồng quản trị Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM

*Căn cứ Luật Bảo hiểm tiền gửi số 06/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Nghị định số 68/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Bảo hiểm tiền gửi;*

Căn cứ Nghị định số 117/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về việc giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 1394/QĐ-TTg ngày 13 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và quy định chức năng, nhiệm vụ của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;


Căn cứ Quyết định số 1395/QĐ-TTg ngày 13 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam; Quyết định số 527/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 24/2014/TT-NHNN ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số nội dung về hoạt động bảo hiểm tiền gửi;

*Căn cứ ý kiến của Thành viên Hội đồng quản trị Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;
Theo đề nghị của Tổng giám đốc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thông tin báo cáo về tiền gửi được bảo hiểm ban hành kèm theo Quyết định số 2252/QĐ-BHTG ngày 15/12/2017 của Hội đồng quản trị Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau: 

“Điều 4. Duy trì thông tin báo cáo

a) Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm duy trì dữ liệu liên quan đến tiền gửi của khách hàng đảm bảo sẵn sàng cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin chi tiết về tiền gửi của khách hàng cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại Mẫu 03/BHTG đính kèm Quy chế này khi Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thực hiện kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật.

b) Thời hạn lưu trữ dữ liệu, thông tin liên quan đến tiền gửi của khách hàng tại Mẫu 03/BHTG đính kèm Quy chế này: theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu lưu trữ trong ngành ngân hàng.”

2. Thay thế Mẫu 01/BHTG, Mẫu 02a/BHTG, Mẫu 02b/BHTG, Mẫu 02c/BHTG, Mẫu 03/BHTG tại Quy chế thông tin báo cáo về tiền gửi được bảo hiểm ban hành kèm theo Quyết định số 2252/QĐ-BHTG ngày 15/12/2017 của Hội đồng quản trị Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam bằng Mẫu 01/BHTG, Mẫu 02a/BHTG, Mẫu 02b/BHTG, Mẫu 02c/BHTG, Mẫu 03/BHTG đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2020. Các quy định trước đây của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có nội dung trái với quy định tại Quyết định này hết hiệu lực thi hành. Trường hợp có sự sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các văn bản quy phạm pháp luật quy định về những nội dung có liên quan đến quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo những nội dung sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành, Chánh Văn phòng, Trưởng phòng, ban tại Trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh, các đơn vị có liên quan của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Thống đốc NHNN (để báo cáo);
- Cơ quan TTGSNH NHNNVN;
- Cục Công nghệ thông tin NHNNVN;
- Hiệp hội ngân hàng Việt Nam;
- Hiệp hội Quý tín dụng nhân dân Việt Nam;
- Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi (để thực hiện);
- Kiểm soát viên (để phối hợp kiểm soát);
- Lưu: VT, BTK, GS, PC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Quang Huy

BÁO CÁO CHI TIẾT TIỀN GỬI ĐƯỢC BẢO HIỂM

Tháng.... năm.....

Số thứ tự	Mã khách hàng (CIF)	Số dư cuối tháng (Đơn vị: Đồng)	Mã tỉnh, thành phố
	(1)	(2)	(3)
1			
2			
...			

Hướng dẫn lập mẫu 01/BHTG:

1. **Thời điểm của dữ liệu:** ngày cuối cùng của tháng báo cáo

2. **Định kỳ báo cáo:** Tháng

3. **Thời hạn gửi báo cáo:** Ngày 15 tháng tiếp theo

4. **Phương thức báo cáo:** Điện tử

5. Hướng dẫn nội dung các cột:

- Cột (1): Số hồ sơ thông tin khách hàng do hệ thống tự động tạo lập khi các thông tin về khách hàng được khai báo vào hệ thống. Mỗi khách hàng có một số CIF duy nhất và được sử dụng trong mọi giao dịch của khách hàng với tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi;
- Cột (2): Số dư tài khoản tiền gửi được bảo hiểm của khách hàng tại thời điểm báo cáo;
- Cột (3): Mã tỉnh, thành phố nơi mở mã số CIF cho khách hàng theo quy định tại Phụ lục 3 đính kèm Thông tư số 35/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 của Thống đốc NHNN quy định Chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.



Tên đơn vị (1)
Địa chỉ (2)
Mã số đơn vị (3)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng.....năm.....

BẢNG KÊ SỐ DƯ TIỀN GỬI ĐƯỢC BẢO HIỂM ĐỀ NỘP PHÍ BHTG
Quý năm.....

(Áp dụng cho tổ chức tham gia BHTG sau kỳ phí đầu tiên)

Đơn vị: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	2	3	4
1	Số dư tiền gửi được bảo hiểm quý trước (Liên kê quý thu phí) - Số dư đầu tháng thứ nhất (S_0) - Số dư cuối tháng thứ nhất (S_1) - Số dư cuối tháng thứ hai (S_2) - Số dư cuối tháng thứ ba (S_3)		
2	Số dư tiền gửi bình quân quý trước (Liên kê quý thu phí)		$(2) = \frac{\frac{S_0+S_3}{2} + S_1 + S_2}{3}$
3	Số phí bảo hiểm phải nộp cho quý thu phí (P) (m: mức phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp tính theo năm bằng 0,15%)		$(3) = (2) \times \frac{m}{4}$
4	Thừa, thiếu phí bảo hiểm từ quý trước chuyển sang và Kết luận kiểm tra chưa được xử lý:		
4a	Nộp bổ sung phí bảo hiểm thiếu Trong đó: + Thiếu của các quý trước chưa nộp; + Thiếu theo Kết luận kiểm tra chưa nộp;		
4b	Khấu trừ phí bảo hiểm thừa Trong đó: + Thừa của các quý trước chưa khấu trừ; + Thừa theo Kết luận kiểm tra chưa khấu trừ;		

Handwritten signature and number 2

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
5	Số tiền phạt vi phạm thời hạn nộp phí các quý trước chưa nộp (theo Thông báo của BHTGVN)		
6	Tổng số tiền phải nộp		(6) = (3) + (4a) - (4b) + (5)

Người lập bảng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người Kiểm soát
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tổng Giám đốc (Giám đốc)
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn lập mẫu 02a/BHTG:

1. **Định kỳ báo cáo:** Quý

2. **Thời hạn gửi báo cáo:** Chậm nhất ngày 15 của tháng đầu quý thu phí

3. **Phương thức báo cáo:** Văn bản và điện tử.

4. **Ghi chú:**

(1) Tên tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi

(2) Nơi tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi đăng ký trụ sở chính

(3) Mã số tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.



Tên đơn vị (1)
Địa chỉ (2)
Mã số đơn vị (3)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng.....năm.....

BẢNG KÊ SỐ DƯ TIỀN GỬI ĐƯỢC BẢO HIỂM ĐỂ NỘP PHÍ BHTG
Quý năm.....

(Áp dụng cho tổ chức tham gia BHTG mới thành lập tính phí kỳ đầu tiên)

Đơn vị: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	2	3	4
1	Số dư tiền gửi được bảo hiểm kỳ đầu tiên: Si: là số dư tiền gửi được bảo hiểm ngày thứ i (i = 1 - n); Trong đó: S1: Là số dư tiền gửi được bảo hiểm cuối ngày đầu tiên nhận tiền gửi; Sn: Là số dư tiền gửi được bảo hiểm ngày cuối cùng của quý đầu tiên.		
2	Tổng số dư tiền gửi của kỳ đầu tiên		$(2) = \sum_{i=1}^n S_i$
3	Số phí bảo hiểm phải nộp cho kỳ thu phí đầu tiên (P) (m: Mức phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp tính theo năm bằng 0,15%)		$(3) = (2) \times \frac{m}{360}$

Người lập bảng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người Kiểm soát
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tổng Giám đốc (Giám đốc)
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn lập mẫu 02b/BHTG:

- 1. Định kỳ báo cáo: Quý**
- 2. Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất ngày 15 của tháng đầu quý thu phí**
- 3. Phương thức báo cáo: Văn bản và điện tử.**
- 4. Ghi chú:**
 - (1) Tên tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi
 - (2) Nơi tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi đăng ký trụ sở chính
 - (3) Mã số tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.

Tên đơn vị (1)
Địa chỉ (2)
Mã số đơn vị (3)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng.....năm.....

BÁO CÁO SỐ DƯ TIỀN GỬI BẰNG ĐỒNG VIỆT NAM

Quý năm.....

(Áp dụng cho tổ chức tham gia BHTG sau kỳ phí đầu tiên)

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Số dư đầu quý trước	Số dư cuối tháng thứ nhất quý trước	Số dư cuối tháng thứ hai quý trước	Số dư cuối quý trước
1	Tiền gửi của khách hàng trong nước (tài khoản 421)				
1.1	Tiền gửi không kỳ hạn (tài khoản 4211)				
	Tiền gửi của khách hàng cá nhân				
1.2	Tiền gửi có kỳ hạn (tài khoản 4212)				
	Tiền gửi của khách hàng cá nhân				
1.3	Tiền gửi vốn chuyên dùng (tài khoản 4214)				
	Tiền gửi của khách hàng cá nhân				
2	Tiền gửi tiết kiệm của khách hàng (tài khoản 423)				
2.1	Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn (tài khoản 4231)				
2.2	Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn (tài khoản 4232)				
2.3	Tiền gửi tiết kiệm khác (tài khoản 4238)				

STT	Chỉ tiêu	Số dư đầu quý trước	Số dư cuối tháng thứ nhất quý trước	Số dư cuối tháng thứ hai quý trước	Số dư cuối quý trước
3	Tiền gửi của khách hàng nước ngoài (tài khoản 425)				
3.1	Tiền gửi không kỳ hạn (tài khoản 4251)				
	Tiền gửi của khách hàng cá nhân				
3.2	Tiền gửi có kỳ hạn (tài khoản 4252)				
	Tiền gửi của khách hàng cá nhân				
3.3	Tiền gửi vốn chuyên dùng (tài khoản 4254)				
	Tiền gửi của khách hàng cá nhân				
4	Mệnh giá giấy tờ có giá (tài khoản 431)				
	Phát hành cho khách hàng cá nhân				
5	Tổng Số dư tiền gửi được bảo hiểm khác (*)				
6.	Tổng số dư tiền gửi VNĐ của khách hàng cá nhân				
7.	Số tiền gửi của cá nhân được bảo hiểm				
8.	Tổng số người gửi tiền được bảo hiểm (đơn vị: người)				
9.	Tổng số tài khoản tiền gửi được bảo hiểm (đơn vị: tài khoản) (**)				

Người lập bảng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lãnh đạo đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn lập mẫu 02c/BHTG:

1. **Định kỳ báo cáo:** Quý
2. **Thời hạn gửi báo cáo:** Chậm nhất ngày 15 của tháng đầu quý thu phí
3. **Phương thức báo cáo:** Điện tử.
4. **Ghi chú:**

- (1) Tên tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi
- (2) Nơi tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi đăng ký trụ sở chính
- (3) Mã số tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.

(*) Tổng số dư tiền gửi được bảo hiểm khác là tổng của các số dư tiền gửi được bảo hiểm có phát sinh ở các tài khoản khác có tính chất đặc thù riêng của từng đơn vị (tài khoản tiền gửi được bảo hiểm của cá nhân bị tạm đóng và được chuyển qua tài khoản khác vì không phát sinh giao dịch; tài khoản tiền gửi được bảo hiểm của cá nhân đang tạm treo tại một tài khoản khác vì nhiều lý do (kỹ thuật, quy định nội bộ của đơn vị); sản phẩm hoặc dịch vụ tiền gửi mới, vv...). Tổ chức tài chính vi mô kê khai số tiền gửi được bảo hiểm của đơn vị vào mục này.

(**) Không liệt kê các tài khoản tiền gửi được bảo hiểm có số dư bằng 0 và chỉ tiêu số 9 (Tổng số tài khoản tiền gửi được bảo hiểm)



SAO KÊ TIỀN GỬI BẰNG ĐỒNG VIỆT NAM

Ngày..... Tháng năm

Đơn vị: Đồng

Ngày, tháng	Mã Hội sở, chi nhánh	Số tài khoản kế toán theo quy định của NHNN	Số tài khoản kế toán nội bộ	Mã khách hàng (CIF)	Tên khách hàng	Giấy tờ cá nhân	Mã phân loại khách hàng theo thành phần kinh tế	Giấy tờ tổ chức	Số dư (đơn vị: đồng)	Tên sản phẩm dịch vụ tiền gửi	Phân loại tiền gửi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

Hướng dẫn lập mẫu 03/BHTG:

1. **Loại tiền gửi cần sao kê:** Tiền gửi bằng đồng Việt Nam.

2. **Phạm vi báo cáo:**

(i) Khi Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thực hiện kiểm tra toàn hệ thống tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi: Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi thực hiện gửi báo cáo toàn hệ thống theo mẫu này;

(ii) Khi Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thực hiện kiểm tra chi nhánh tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi: Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi thực hiện gửi báo cáo của các chi nhánh theo mẫu này.

3. **Định kỳ báo cáo:** Theo thông báo của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam khi thực hiện kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất.



4. Phương thức báo cáo: Bằng bản mềm định dạng theo yêu cầu của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, hoặc bằng văn bản trong trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân, Tổ chức tài chính vi mô không thể cung cấp bản mềm.

5. Thời điểm của dữ liệu: Ngày cuối tháng (hoặc cuối từng ngày trong các trường hợp sau: Sao kê tiền gửi cho kỳ tính phí bảo hiểm tiền gửi đầu tiên; Sao kê kỳ cuối trước khi được miễn nộp phí BHTG; Sao kê kỳ chấm dứt KSĐB sau khi hết thời hạn miễn nộp phí (là kỳ đầu tiên phải nộp phí sau khi chấm dứt KSĐB)).

6. Thời hạn lưu trữ thông tin, dữ liệu về tiền gửi của khách hàng tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi: Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu lưu trữ trong ngành Ngân hàng.

7. Hướng dẫn nội dung các cột:

- Cột (1): Ngày cuối tháng (hoặc cuối từng ngày trong các trường hợp sau: Sao kê tiền gửi cho kỳ tính phí bảo hiểm tiền gửi đầu tiên; Sao kê kỳ cuối trước khi được miễn nộp phí BHTG; Sao kê kỳ chấm dứt KSĐB sau khi hết thời hạn miễn nộp phí (là kỳ đầu tiên phải nộp phí sau khi chấm dứt KSĐB)).
- Cột (2): Mã Hội sở, chi nhánh của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi (áp dụng trong trường hợp tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi có nhiều địa điểm giao dịch);
- Cột (3): Số tài khoản kế toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
- Cột (4): Số tài khoản kế toán nội bộ của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi; đối với Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi không có hệ thống tài khoản kế toán nội bộ thì để trống cột này;
- Cột (5): Là số hồ sơ thông tin khách hàng do hệ thống tự động tạo lập khi các thông tin về khách hàng được khai báo vào hệ thống. Mỗi khách hàng có một số CIF duy nhất và được sử dụng trong mọi giao dịch của khách hàng với tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi;
- Cột (6): Tên khách hàng mở tài khoản tiền gửi;
- Cột (7): Số Chứng minh thư nhân dân /Hộ chiếu/ Thẻ căn cước công dân còn thời hạn của khách hàng cá nhân;
- Cột (8): Mã phân loại khách hàng theo thành phần kinh tế của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi. Ví dụ: khách hàng cá nhân, doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần...;
- Cột (9): Số Quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của khách hàng tổ chức;



- Cột (10): Số dư tiền gửi của khách hàng tại thời điểm ngày cuối tháng (hoặc cuối từng ngày trong các trường hợp sau: Sao kê tiền gửi cho kỳ tính phí bảo hiểm tiền gửi đầu tiên; Sao kê kỳ cuối trước khi được miễn nộp phí BHTG; Sao kê kỳ chấm dứt KSĐB sau khi hết thời hạn miễn nộp phí (là kỳ đầu tiên phải nộp phí sau khi chấm dứt KSĐB)).
- Cột (11): Tên sản phẩm tiền gửi. Ví dụ: tiết kiệm dự thưởng, tiết kiệm phát lộc,...;
- Cột (12): tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi tự phân loại đối tượng tiền gửi được bảo hiểm, nếu thuộc đối tượng bảo hiểm tiền gửi ghi chữ Y, nếu không thuộc đối tượng bảo hiểm tiền gửi ghi chữ N.

Handwritten signature